

## GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

### ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và  
Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của  
Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của  
Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều  
của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường số 01-23/GPMT ngày  
30/11/2023 của Công ty TNHH Bê tông Nhựa nóng Anco, Văn bản số 24/CV-ANCO  
ngày 17/7/2024 của Công ty TNHH Bê tông Nhựa nóng Anco về việc hoàn thiện hồ sơ  
đề nghị cấp giấy phép môi trường của cơ sở "Trạm trộn bê tông nhựa nóng, công  
suất 960 tấn sản phẩm/ngày" tại phường Phước Tân, thành phố Biên Hòa, tỉnh  
Đồng Nai và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Biên  
Hòa tại Tờ trình số 2749/TTr-PTNMT ngày 25 tháng 7 năm 2024.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1:** Cấp phép cho Công ty TNHH Bê tông Nhựa nóng Anco, địa chỉ tại  
tại phường Phước Tân, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai được thực hiện các  
hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở "Trạm trộn bê tông nhựa nóng, công suất  
960 tấn sản phẩm/ngày" tại thửa đất số 45, tờ bản đồ số 45, khu phố Tân Cang,  
phường Phước Tân, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, với các nội dung như  
sau:

#### 1. Thông tin chung của cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: Trạm trộn bê tông nhựa nóng, công suất 960 tấn sản  
phẩm/ngày.

1.2. Địa điểm hoạt động: thửa đất số 45, tờ bản đồ số 45, khu phố Tân Cang, phường Phước Tân, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0314137132 đăng ký lần đầu ngày 30/11/2016; đăng ký thay đổi lần thứ 4: ngày 29/03/2023 do phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0314137132-001 đăng ký lần đầu ngày 01/10/2018, đăng ký thay đổi lần thứ 1: ngày 04/09/2019 do phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.

1.4. Mã số thuế: 0314137132.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất bê tông nhựa nóng.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Phạm vi: Diện tích khu đất cơ sở 9.377,7m<sup>2</sup>.

- Quy mô: Dự án nhóm C (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Công suất: Sản phẩm của cơ sở là bê tông nhựa nóng. Công suất 960 tấn sản phẩm/ngày.

## **2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:**

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải theo quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với khí thải theo quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

**Điều 2.** Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Bê tông Nhựa nóng Anco được cấp Giấy phép môi trường:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Bê tông Nhựa nóng Anco có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

**Điều 3.** Thời hạn của Giấy phép: từ ngày 29 tháng 7 năm 2024 đến ngày 06 tháng 11 năm 2026 hoặc cho đến khi dự án Xây dựng đường trục trung tâm thành phố Biên Hòa đoạn từ đường Võ Thị Sáu đến đường Đặng Văn Tron (cầu Thống Nhất và đường kết nối 02 đầu cầu) hoàn thành hoặc khi Nhà nước thực hiện dự án theo quy hoạch (tùy theo trường hợp nào đến trước) (theo thời gian được gia hạn tồn tại công trình nêu tại Văn bản số 11763/UBND-KTN ngày 06/11/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc xử lý đề nghị của Công ty TNHH Bê tông nhựa nóng Anco).

**Điều 4.** Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

**Nơi nhận:**

- Chủ tịch, các PCT/ UBND TP;
- Chánh, các PCVP/HĐND-UBND TP;
- Phòng Tài nguyên và Môi trường;
- Công Thông tin điện tử thành phố;
- UBND phường Phước Tân;
- Công ty TNHH Bê tông Nhựa nóng Anco;
- Lưu: VT, KTNS.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Vũ Quốc Thái**

**Phụ lục 1****YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 12785/GPMT-UBND ngày 29/7/2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Biên Hòa)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:**

Không thuộc đối tượng phải cấp phép đối với nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường do nước thải phát sinh được Chủ cơ sở hợp đồng với đơn vị chức năng đến thu gom, vận chuyển đi xử lý.

**B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:****1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:****1.1. Mạng lưới thu gom nước thải:**

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh di động có thể tích 2,9m<sup>3</sup> được thu gom về bồn chứa thể tích 20m<sup>3</sup>, định kỳ thuê đơn vị có chức năng thu gom xử lý theo quy định.

**1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:**

Tóm tắt quy trình thu gom, xử lý nước thải: Nước thải sinh hoạt tại nhà vệ sinh di động 2,9m<sup>3</sup> → Bồn chứa 20m<sup>3</sup> → Chuyển giao đơn vị có chức năng thu gom, xử lý.

- Công trình, thiết bị: 01 bồn chứa 20m<sup>3</sup>, 01 nhà vệ sinh di động 2,9m<sup>3</sup>.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không có.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

**1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:**

- Kiểm tra quá trình thu gom nước thải của tuyến ống dẫn nhằm kịp thời khắc phục thay thế kịp thời các vị trí bị rò rỉ nước thải.

- Trang bị các phương tiện, thiết bị dự phòng cần thiết để ứng phó, khắc phục khi có sự cố xảy ra.

**2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:**

Không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm theo quy định tại khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

**3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

- Hợp đồng với đơn vị chức năng để thu gom, xử lý toàn bộ nước thải của cơ sở. Việc thu gom, vận chuyển và xử lý nước thải của cơ sở được thực hiện đúng

quy định theo Khoản 4 Điều 74 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2023 của Chính phủ về việc quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Thực hiện các công trình ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản dưới luật.

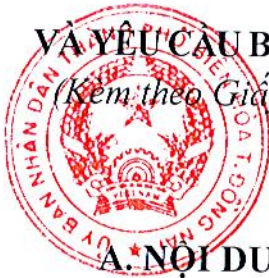
- Vận hành mạng lưới thu gom, thoát nước mưa đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và các điều kiện vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành cơ sở. Nghiêm cấm việc xả nước thải vào hệ thống thoát nước mưa.

- Đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và các quy định pháp luật khác có liên quan.

- Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh tại cơ sở.

**Phụ lục 2****NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI**

**VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**  
 (Kèm theo Giấy phép môi trường số 12785/GPMT-UBND ngày 29/7/2024  
 của Ủy ban nhân dân thành phố Biên Hòa)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:****1. Nguồn phát sinh khí thải:**

- Nguồn số 01: phát sinh từ quá trình xử lý bụi, khí thải từ module dây chuyền sản xuất;
- Nguồn số 02: phát sinh từ lò xông nhựa đường bằng dầu DO (chỉ sử dụng trong trường hợp mất điện, phát sinh không thường xuyên, không có hệ thống xử lý khí thải).

**2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:****2.1. Vị trí xả khí thải:**

- Dòng khí thải số 01 (tương ứng nguồn số 01): 01 ống thoát khí thải sau 01 hệ thống xử lý bụi, khí thải phát sinh từ module dây chuyền sản xuất: Tọa độ vị trí xả khí thải:  $X(m) = 1184311$ ;  $Y(m) = 409648$ .

*(Ghi chú: Theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 107°45', múi chiều 3<sup>0</sup>)*

- Vị trí xả khí thải của hệ thống xử lý khí thải tại thửa đất số 45, tờ bản đồ số 45, khu phố Tân Cang phường Phước Tân, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

**2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:**

- Dòng khí thải số 01: Lưu lượng xả thải lớn nhất 9.000 m<sup>3</sup>/giờ.

2.2.1. Phương thức xả khí thải: Khí thải xả ra môi trường qua ống thoát khí thải cao 13m liên tục 24 giờ (khi phát sinh).

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ QCVN 19:2009/BTNMT (cột B với  $K_v = 0,6$  và  $K_p = 1$ , thuộc vùng nội thành đô thị loại I), cụ thể như sau:

STT	Thông số	Đơn vị	Giới hạn cho phép (1)	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động liên tục
1	Lưu lượng	m <sup>3</sup> /giờ	-	<i>Không thuộc đối tượng phải quan trắc bụi, khí thải định kỳ (theo quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)</i>	<i>Không thuộc đối tượng phải quan trắc bụi, khí thải tự động, liên tục (theo quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)</i>
2	Nhiệt độ	°C	-		
3	Bụi tổng	mg/Nm <sup>3</sup>	120		
4	SO <sub>2</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	300		
5	NO <sub>x</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	510		
6	CO	mg/Nm <sup>3</sup>	600		

**Ghi chú:**

(1) Giá trị giới hạn cho phép theo: QCVN 19:2009/BTNMT (cột B với  $K_v = 0,6$  và  $K_p = 1$ ).

**B. YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:**

**1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải:**

1.1 Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải

- Nguồn số 01: Khí thải, bụi phát sinh từ module dây chuyền sản xuất được thu gom bằng ống thu gom kích thước Ø800mm về hệ thống xử lý bụi, khí thải để xử lý, sau đó thoát ra ngoài môi trường qua ống thoát khí thải kích thước 750 x 1.150mm, cao khoảng 13m tính từ mặt đất.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải

Hệ thống xử lý bụi, khí thải phát sinh từ module dây chuyền sản xuất (nguồn số 01).

- Tóm tắt quy trình xử lý:

Bụi, Khí thải → Đường ống thu gom → Thiết bị xử lý (Lọc bụi túi vải sơ cấp và thứ cấp) → Ống thoát khí thải → Khí thải đạt quy chuẩn môi trường cho phép được xả thải ra môi trường.

- Công suất thiết kế: 9.000 m<sup>3</sup>/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Lọc bụi túi vải.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: Không thuộc đối

tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thường xuyên tiến hành kiểm tra các thiết bị xử lý chất thải; vệ sinh đường ống hút bụi, hút khí để tăng hiệu suất xử lý.

- Khi xảy ra sự cố, nhà máy cho ngừng vận hành ngay lập tức các dây chuyền sản xuất tương ứng với hệ thống xử lý khí thải bị sự cố. Phối hợp với các cơ quan chức năng để khắc phục sự cố. Chỉ vận hành sản xuất khi khắc phục xong sự cố.

- Bố trí công nhân vận hành, nắm vững quy trình vận hành và có khả năng sửa chữa, khắc phục khi sự cố xảy ra.

## **2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:**

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: không quá 6 tháng kể từ thời điểm bắt đầu vận hành thử nghiệm.

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm:

- 01 Hệ thống xử lý bụi, khí thải phát sinh từ module dây chuyền sản xuất, công suất thiết kế 9.000 m<sup>3</sup>/giờ.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

- 01 ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ module dây chuyền sản xuất, công suất thiết kế 9.000 m<sup>3</sup>/giờ.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty phải giám sát các chất ô nhiễm có trong khí thải và đánh giá hiệu quả xử lý của các hệ thống xử lý khí thải theo giá trị giới hạn cho phép xả thải ra môi trường theo quy định tại Mục 2.2.2 của Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Thực hiện quan trắc chất thải trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý khí thải theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, cụ thể như sau: Bảo đảm quan trắc ít nhất 03 mẫu trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý chất thải.

## **3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này.

3.2. Khí thải từ lò xông nhựa đường bằng dầu DO chỉ sử dụng trong trường hợp mất điện, không có hệ thống xử lý khí thải do đó chủ cơ sở phải cam kết sử



dụng nhiên liệu dầu DO đáp ứng yêu cầu về chất lượng theo quy định của pháp luật về chất lượng hàng hóa, sản phẩm.

3.3. Vận hành thường xuyên hệ thống xử lý bụi, khí thải đảm bảo bụi, khí thải phát sinh từ cơ sở được thu gom, xử lý đạt quy chuẩn môi trường quy định.

3.4 Thực hiện các biện pháp kiểm soát nhằm giảm thiểu bụi, khí thải từ hoạt động của cơ sở.

3.5. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

3.6. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

**Phụ lục 3****BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG  
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 12785/GPMT-UBND ngày 29/7/2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Biên Hòa)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:****1. Tiếng ồn.****1.1. Nguồn phát sinh tiếng ồn:**

- Nguồn số 01: Tại vị trí phối trộn nguyên liệu từ module dây chuyền sản xuất.

**1.2. Vị trí phát sinh tiếng ồn:**

- Nguồn số 1: Tại vị trí phối trộn nguyên liệu từ module dây chuyền sản xuất: X(m) = 1184351; Y(m) = 409638).

(Ghi chú: Theo hệ tọa độ VN2000, Kinh tuyến trực 107<sup>0</sup>45, múi chiều 3<sup>0</sup>).

1.3. Tiếng ồn phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, cụ thể như sau:

- Tiếng ồn phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc, cụ thể như sau:

STT	QCVN 26:2010/BTNMT		QCVN 24:2016/BYT		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Thời gian tiếp xúc với tiếng ồn (giờ)	Giới hạn cho phép mức áp suất âm tương đương (L <sub>aeq</sub> ) - dBA		
1	70	55	8	85	-	Khu vực thông thường

2. Độ rung: Không phát sinh.

**B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN:****1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn:**

1.1. Tách riêng khu vực văn phòng với khu vực sản xuất.

1.2. Đối với công nhân làm việc tại các công đoạn có độ ồn cao được trang bị đầy đủ nút bịt tai, bao ốp tai chống ồn.

1.3. Bố trí vành đai cây xanh bao quanh khuôn viên để giảm thiểu tiếng ồn, độ rung phát tán ra khu vực xung quanh.

## **2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Mục A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn.

2.3. Kiểm tra độ mòn chi tiết và thường xuyên bôi trơn máy móc hoặc thay thế các thiết bị hư hỏng.

2.4. Giới hạn tốc độ di chuyển trong khu vực cơ sở để hạn chế tiếng ồn, hạn chế bóp còi trong khu vực cơ sở.

## Phụ lục 4

## YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,

## PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 12785/GPMT-UBND ngày 29/7/2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Biên Hòa)



## A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

## 1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

Stt	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (Kg/năm)	Mã CTNH	Ký hiệu phân loại
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	12	16 01 06	NH
2	Dầu nhớt thải	Lỏng	24	17 02 03	NH
3	Bao bì cứng nhiễm thành phần nguy hại	Rắn	240	18 01 04	KS
4	Giẻ lau nhiễm thành phần nguy hại	Rắn	60	18 02 01	KS
<b>Tổng cộng</b>			<b>336</b>	-	

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

Stt	Chất thải rắn thông thường	Khối lượng (kg/năm)	Mã chất thải	Ký hiệu phân loại
1	Bao bì đóng gói hư hỏng, giấy carton, giấy vụn	1.080	18 01 06	TT-R
2	Giấy loại bỏ từ văn phòng	360	18 01 05	TT-R
3	Nguyên liệu và sản phẩm hỏng	7.920	-	TT-R
<b>Tổng cộng</b>		<b>9.360</b>		

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

Stt	Chất thải rắn sinh hoạt	Khối lượng (kg/năm)
-----	-------------------------	---------------------

1	Chất thải rắn sinh hoạt nhóm thực phẩm	1.497,6
2	Chất thải rắn sinh hoạt nhóm tái chế	748,8
3	Chất thải rắn sinh hoạt còn lại	249,6
<b>Tổng cộng</b>		<b>2.496</b>

**2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:**

**2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:**

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: thùng phuy sắt dung tích chứa 200 lít, số lượng 04 thùng.

2.1.2. Khu vực lưu chứa:

- Diện tích khu vực lưu chứa: 3 m<sup>2</sup>.

- Vị trí: có tọa độ X (m): 1204264; Y (m): 411665.

*(Ghi chú: Theo hệ tọa độ VN2000, Kinh tuyến trực 107<sup>0</sup>45, múi chiếu 3<sup>0</sup>).*

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa trong nhà: mái che bằng tole, tường bao xung quanh bằng tole, nền bê tông, cửa lưới sắt gắn có biển báo, phân chia vạch và gắn các biển báo phân loại từng loại CTNH tại các thùng chứa. Khu vực có trang bị thiết bị PCCC, vật liệu hấp thụ (cát khô,...) phòng ngừa sự cố.

- Công trình lưu giữ chất thải nguy hại đáp ứng theo hướng dẫn tại Điều 35 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

**2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường:**

2.2.1 Thiết bị lưu chứa: thùng nhựa dung tích chứa 240 lít, số lượng 03 thùng.

2.2.2. Khu vực lưu chứa:

- Diện tích khu vực lưu chứa: 3 m<sup>2</sup>.

- Vị trí tọa độ: X (m): 1204270; Y (m): 411665 (sát khu chứa chất thải nguy hại).

*(Ghi chú: Theo hệ tọa độ VN2000, Kinh tuyến trực 107<sup>0</sup>45, múi chiếu 3<sup>0</sup>).*

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa: mái che bằng tole, tường bao xung quanh bằng tole, nền bê tông, cửa lưới sắt.

- Công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường đáp ứng theo hướng dẫn tại Điều 33 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Hợp đồng chuyển giao cho đơn vị mua bán phế liệu.

### **2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:**

2.3.1 Thiết bị lưu chứa: thùng nhựa có nắp đậy, dung tích chứa 240 lít, số lượng 03 thùng đặt tại nhà vệ sinh, văn phòng, khuôn viên, khu vực tập kết rác trước khi chuyển giao cho đơn vị có chức năng.

2.3.2. Khu vực lưu chứa ngoài trời (vị trí tập kết rác sinh hoạt):

- Diện tích khu vực lưu chứa: diện tích 3m<sup>2</sup>

- Vị trí tọa độ: X (m): 1204272; Y (m): 411663.

*(Ghi chú: Theo hệ tọa độ VN2000, Kinh tuyến trục 107<sup>o</sup>45, múi chiếu 3<sup>o</sup>).*

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa ngoài trời: ngoài trời không có mái che; chất thải chứa trong các thùng rác có dung tích 240L, có nắp đậy kín.

- Thực hiện tuyên truyền, phổ biến chương trình phân loại chất thải tại nguồn theo yêu cầu và quy định của địa phương. Hướng dẫn công nhân viên thực hiện phân loại theo quy định.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

## **B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:**

- Thiết kế đúng quy cách khu lưu giữ chất thải và thu gom, lưu giữ, vận chuyển, xử lý toàn bộ các loại chất thải rắn sinh hoạt và chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình hoạt động của cơ sở, đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Có biện pháp kiểm soát, thu gom chất thải lỏng rò rỉ tại khu vực lưu giữ chất thải.

- Lắp đặt hệ thống báo cháy, ngăn cháy, phương tiện phòng cháy và chữa cháy phù hợp với tính chất, đặc điểm của cơ sở, đảm bảo chất lượng và hoạt động theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các tiêu chuẩn về an toàn, phòng cháy và chữa cháy.

**Phụ lục 5**

**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**  
*(Kèm theo Giấy phép môi trường số 12785/GPMT-UBND ngày 29/7/2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Biên Hòa)*

**A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:**

Cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

**B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:**

Cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

**C. CÁC NỘI DUNG CHỦ CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG:**

Cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện báo cáo đánh giá tác động môi trường.

**D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

1. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình đối với các công trình bảo vệ môi trường nêu trong Giấy phép này, đảm bảo các loại chất thải phát sinh phải được xử lý theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Chủ cơ sở chịu trách nhiệm trước pháp luật về hồ sơ hoàn công công trình xử lý chất thải; công trình xây dựng của cơ sở.

2. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường; công khai giấy phép môi trường; cung cấp các thông tin có liên quan theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trong quá trình kiểm tra, thanh tra.

3. Có biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở đảm bảo theo các quy chuẩn kỹ thuật về môi trường hiện hành; tuyệt đối không xả nước thải, khí thải chưa qua xử lý ra môi trường; minh bạch các đường ống thu gom, thoát nước thải, khí thải trong khuôn viên cơ sở; lưu giữ số liệu tại cơ sở và đưa vào nội dung báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm.

4. Chủ động đề xuất điều chỉnh các công trình bảo vệ môi trường trong trường hợp các công trình này không đảm bảo công tác bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động của cơ sở theo quy định.

5. Trồng và chăm sóc cây xanh đảm bảo tỷ lệ diện tích cây xanh nhằm tạo cảnh quan, cải thiện điều kiện vi khí hậu.

6. Có kế hoạch tổ chức thực hiện về nhân lực, kinh phí, trang thiết bị, phương án đảm bảo phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường khi có sự cố xảy ra trong quá trình hoạt động của cơ sở; đáp ứng các yêu cầu về vệ sinh môi trường; có bộ

phận chuyên môn đủ năng lực để thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường; thực hiện quy định pháp luật về an toàn phòng cháy chữa cháy, an toàn lao động và các quy định pháp luật có liên quan khác trong quá trình hoạt động của cơ sở.

7. Thiết lập mô hình quản lý và đảm bảo nguồn lực tài chính để các công trình bảo vệ môi trường của cơ sở được duy trì, vận hành hiệu quả và thực hiện chế độ báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm theo quy định.

8. Trong quá trình hoạt động nếu cơ sở có xảy ra sự cố môi trường, phải chủ động thực hiện mọi biện pháp xử lý, khắc phục và báo cáo kịp thời đến các cơ quan có liên quan. Chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu để xảy ra sự cố, rủi ro trong quá trình thực hiện.

9. Trường hợp các quy chuẩn, tiêu chuẩn và quy định liên quan có sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo quy chuẩn, quy định mới./.